

Số: 135/QĐ-MNNH

Nam Hoa Lu, ngày 25 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai dự toán kinh phí đề nghị ngân sách
cấp bù miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí ăn trưa học kỳ II năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MÃN NON NINH HẢI

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước... ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020, quy định chính sách phát triển mầm non và Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ GDĐT về thực hiện QCDC trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập trong nhà trường;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 1823/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Nam Hoa Lu về việc giao quyền tự chủ tài chính cho Trường Mầm non Ninh Hải giai đoạn 2026-2030 (trước sáp nhập); Quyết định số 1824/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND phường Nam Hoa Lu về việc giao quyền tự chủ tài chính cho Trường Mầm non Ninh Hải giai đoạn 2026-2030 (trước sáp nhập);

Căn cứ Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 của UBND phường Nam Hoa Lu về việc sáp nhập Trường Mầm non Ninh Hải và Trường Mầm non Ninh Thắng thành Trường Mầm non Ninh Hải;

Theo đề nghị của Bộ phận Tài chính nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán kinh phí đề nghị ngân sách cấp bù miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí ăn trưa học kỳ II năm học 2025 - 2026.

Điều 2. Hình thức và thời điểm công khai:

1. Hình thức: Niêm yết công khai tại bảng tin nhà trường và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị.

2. Thời điểm: Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày lập dự toán.

3. Thời gian niêm yết: Ít nhất 30 ngày kể từ ngày công bố.

Điều 3. Ban Giám hiệu, Bộ phận Tài chính, Văn phòng và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website đơn vị;
- Lưu HSTC, HSCK.



UBND PHƯỜNG NAM HOA LƯ'**Đơn vị: Trường MN Ninh Hải****DỰ TOÁN ĐỀ NGHỊ NGÂN SÁCH CẤP BÙ MIỄN, GIÁM HỌC PHÍ
KỲ II NĂM HỌC 2025-2026
Nghị định 238/2025/NĐ-CP**

DVT: Nghìn đồng

STT	Lớp	Số lượng học sinh			Kỳ II năm học 2025-2026			Ghi chú
		Tổng số học sinh	Trong đó		Số tháng	Mức thu học phí	Số tiền	
			Thành thị	Nông thôn				
1	Lớp 1 tuổi KL	19	19		5	180	14,220	8 HS đi từ tháng 03/2026
2	Lớp 2 tuổi A KL	24	24		5	180	20,520	3 HS đi từ tháng 03/2026
3	Lớp 2 tuổi B KL	26	26		5	180	22,680	2 HS đi từ tháng 03/2026
4	Lớp 3 tuổi A KL	26	26		5	180	23,400	
5	Lớp 3 tuổi B KL	27	27		5	180	23,940	1 HS đi từ tháng 03/2026
6	Lớp 4 tuổi A KL	20	20		5	180	17,640	1 HS đi từ tháng 03/2026
7	Lớp 4 tuổi B KL	24	24		5	180	21,600	
8	Lớp 4 tuổi C KL	26	26		5	180	23,400	
9	Lớp 5 tuổi A KL	38	38		5	180	34,200	
10	Lớp 5 tuổi B KL	38	38		5	180	34,200	
11	Lớp 1 tuổi	23	23		5	180	17,100	10 HS đi từ tháng 03/2026
12	Lớp 2 tuổi A	25	25		5	180	22,320	01 HS đi từ tháng 02/2026
13	Lớp 2 tuổi B	26	26		5	180	22,860	01 HS nghỉ từ tháng 03/2026
14	Lớp 2 tuổi C	19	19		5	180	15,300	02 HS nghỉ từ tháng 03/2026 02 HS đi từ tháng 03/2026
15	Lớp 2 tuổi D	26	26		5	180	23,400	
16	Lớp 3 tuổi A	20	20		5	180	18,000	
17	Lớp 3 tuổi B	21	21		5	180	17,640	01 HS nghỉ từ tháng 02/2026 01 HS đi từ tháng 02/2026 01 HS đi từ tháng 03/2026
18	Lớp 3 tuổi C	10	10		5	180	9,000	
19	Lớp 4 tuổi A	29	29		5	180	26,100	
20	Lớp 4 tuổi B	28	28		5	180	24,840	01 HS nghỉ từ tháng 03/2026
21	Lớp 4 tuổi C	26	26		5	180	23,400	

STT	Lớp	Số lượng học sinh				Kỳ II năm học 2025-2026			Ghi chú
		Tổng số học sinh	Trong đó			Số tháng	Mức thu học phí	Số tiền	
			Thành thị	Nông thôn	Dân tộc thiểu số và miền núi				
22	Lớp 4 tuổi D	22	22			5	180	18,900	01 HS nghỉ từ tháng 03/2026 01 HS đi từ tháng 03/2026
23	Lớp 4 tuổi E	13	13			5	180	11,520	01 HS đi từ tháng 02/2026
24	Lớp 5 tuổi A	25	25			5	180	22,500	
25	Lớp 5 tuổi B	30	30			5	180	26,640	01 HS đi từ tháng 03/2026
26	Lớp 5 tuổi C	28	28			5	180	25,200	
27	Lớp 5 tuổi D	27	27			5	180	24,300	
Tổng cộng:		666	666	0	0			584,820	
Tổng số tiền bằng chữ: Năm trăm tám mươi tư triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./.									

Nam Hoa, ngày 23 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán

HIỆU TRƯỞNG

Đặng Thị Diệu Thúy

Đặng Thị Diệu Thúy

*Ta Thị Thu Hoà



UBND PHƯỜNG NAM HOA LƯ'**Đơn vị: Trường MN Ninh Hải****DỰ TOÁN ĐỀ NGHỊ NGÂN SÁCH CẤP BÙ MIỄN, GIÁM HỌC PHÍ
KỲ II NĂM HỌC 2025-2026
Nghị định 238/2025/NĐ-CP**

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Lớp	Số lượng học sinh			Kỳ II năm học 2025-2026			Ghi chú
		Tổng số học sinh	Trong đó		Số tháng	Mức thu học phí	Số tiền	
			Thành thị	Nông thôn				
1	Lớp 1 tuổi KL	19	19		5	180	14,220	8 HS đi từ tháng 03/2026
2	Lớp 2 tuổi A KL	24	24		5	180	20,520	3 HS đi từ tháng 03/2026
3	Lớp 2 tuổi B KL	26	26		5	180	22,680	2 HS đi từ tháng 03/2026
4	Lớp 3 tuổi A KL	26	26		5	180	23,400	
5	Lớp 3 tuổi B KL	27	27		5	180	23,940	1 HS đi từ tháng 03/2026
6	Lớp 4 tuổi A KL	20	20		5	180	17,640	1 HS đi từ tháng 03/2026
7	Lớp 4 tuổi B KL	24	24		5	180	21,600	
8	Lớp 4 tuổi C KL	26	26		5	180	23,400	
9	Lớp 5 tuổi A KL	38	38		5	180	34,200	
10	Lớp 5 tuổi B KL	38	38		5	180	34,200	
11	Lớp 1 tuổi	23	23		5	180	17,100	10 HS đi từ tháng 03/2026
12	Lớp 2 tuổi A	25	25		5	180	22,320	01 HS đi từ tháng 02/2026
13	Lớp 2 tuổi B	26	26		5	180	22,860	01 HS nghỉ từ tháng 03/2026
14	Lớp 2 tuổi C	19	19		5	180	15,300	02 HS nghỉ từ tháng 03/2026 02 HS đi từ tháng 03/2026
15	Lớp 2 tuổi D	26	26		5	180	23,400	
16	Lớp 3 tuổi A	20	20		5	180	18,000	
17	Lớp 3 tuổi B	21	21		5	180	17,640	01 HS nghỉ từ tháng 02/2026 01 HS đi từ tháng 02/2026 01 HS đi từ tháng 03/2026
18	Lớp 3 tuổi C	10	10		5	180	9,000	
19	Lớp 4 tuổi A	29	29		5	180	26,100	
20	Lớp 4 tuổi B	28	28		5	180	24,840	01 HS nghỉ từ tháng 03/2026
21	Lớp 4 tuổi C	26	26		5	180	23,400	

STT	Lớp	Số lượng học sinh				Kỳ II năm học 2025-2026			Ghi chú
		Tổng số học sinh	Trong đó			Số tháng	Mức thu học phí	Số tiền	
			Thành thị	Nông thôn	Dân tộc thiểu số và miền núi				
22	Lớp 4 tuổi D	22	22			5	180	18,900	01 HS nghỉ từ tháng 03/2026 01 HS đi từ tháng 03/2026
23	Lớp 4 tuổi E	13	13			5	180	11,520	01 HS đi từ tháng 02/2026
24	Lớp 5 tuổi A	25	25			5	180	22,500	
25	Lớp 5 tuổi B	30	30			5	180	26,640	01 HS đi từ tháng 03/2026
26	Lớp 5 tuổi C	28	28			5	180	25,200	
27	Lớp 5 tuổi D	27	27			5	180	24,300	
	Tổng cộng:	666	666	0	0			584,820	

Tổng số tiền bằng chữ: Năm trăm tám mươi tư triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./.

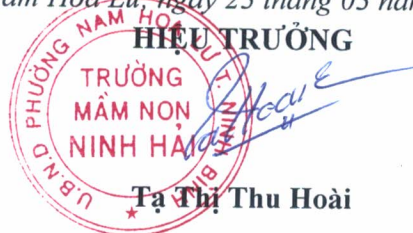
Người lập biểu

Đặng Thị Diệu Thúy

Kế toán

Đặng Thị Diệu Thúy

Nam Hoa Lu, ngày 23 tháng 03 năm 2026



HIỆU TRƯỞNG

Tạ Thị Thu Hoài

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ NGÂN SÁCH CẤP HỖ TRỢ CHI PHÍ ẨM TRƯA KỲ II NĂM HỌC 2025-2026

STT	Họ và tên học sinh được hỗ trợ chi phí ăn trưa	Đang học lớp	Thuộc đối tượng	Mức hỗ trợ chi phí ăn trưa theo ND 105/2020/NĐ-CP học kỳ II năm học 2025-2026 (160.000 đ/hs/tháng)			Ghi chú
				Mức hỗ trợ	Số tháng được hưởng (5 tháng)	Số tiền	
1	2	3	4	8	9	10=8x9	12
I	<i>Đối tượng HS mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế</i>						
1	Tăng Bảo Khang	4 tuổi C	Khuyết tật	160,000	5	800,000	
2	Nguyễn Văn Bảo Quốc	5 tuổi A	Khuyết tật	160,000	5	800,000	
	Cộng mục I					1,600,000	
II	<i>Đối tượng HS con hộ nghèo</i>						
1	Ninh Hữu Hưng	5 tuổi D	Hộ nghèo	160,000	5	800,000	
2	Dương Hải Đăng	5 tuổi B KL	Hộ nghèo	160,000	5	800,000	
	Cộng mục II					1,600,000	
III	<i>Đối tượng HS con hộ cận nghèo</i>						
1	Nguyễn Thanh Ngọc	4 tuổi C	Hộ cận nghèo	160,000	5	800,000	
2	Chu Thảo Vy	3 tuổi A	Hộ cận nghèo	160,000	5	800,000	
3	Chu Huyền My	5 tuổi B	Hộ cận nghèo	160,000	5	800,000	
	Cộng mục III					2,400,000	
	Tổng cộng I+II+III					5,600,000	

Án định số tiền bằng chữ: Năm triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn./.

Người lập biểu



Đặng Thị Diệu Thúy

Nam Hoa Lưu, ngày 8/1 tháng 03 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Tạ Thị Thu Hoài

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ NGHỊ NGÂN SÁCH CẤP HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP KỲ II NĂM HỌC 2025-2026

STT	Họ và tên học sinh được hỗ trợ chi phí học tập	Đang học lớp	Thuộc đối tượng	Mức hỗ trợ chi phí học tập theo ND81/2021 (150.000 đ/hs/tháng)			Ghi chú
				Mức hỗ trợ (5 tháng)	Số tháng được hưởng (5 tháng)	Số tiền	
1	2	3	4	5	6	7= 5x6	9
I	<i>Đối tượng HS mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc bị tàn tật, khuyết tật</i>						
1	Tăng Bảo Khang	3 tuổi C	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
2	Nguyễn Văn Bảo Quốc	5 tuổi A	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
	Cộng mục I					1,500,000	
II	<i>Đối tượng HS con hộ nghèo</i>						
1	Ninh Hữu Hưng	5 tuổi D	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
2	Dương Hải Đăng	5 tuổi B KL	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
	Cộng mục II					750,000	
	Tổng cộng I + II					2,250,000	

Ấn định số tiền bằng chữ: Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng chẵn./.

Nam Hoa, ngày 21 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Đặng Thị Diệu Thúy

Nam Hoa, ngày 21 tháng 03 năm 2026
 Thủ trưởng đơn vị
 TRƯỞNG
 MẦM NON
 NINH HẢI
 ỦY BAN PHƯỜNG
 NINH BINH

Tạ Thị Thu Hoài